

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CHƯA THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ NĂM 2024

Năm kiểm toán: 2023; thời gian thực hiện kiến nghị kiểm toán: tính đến ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chi tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
A	B	1=2+3+4+5	2=2.1+2.2+2.3	2.1	2.2	2.3	3	4	5
	Tổng cộng (1+2+...)								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	8,315,628,354,273	1,361,337,976,990	123,442,620,816	1,079,560,837,709	158,334,518,465	2,592,246,172	6,949,998,186,442	1,699,944,670
1	Vụ Pháp chế								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Năm kiểm toán 2023								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư dự án các công trình hạ tầng được Chính phủ Ai-len tài trợ thuộc Chương trình 135 tại 05 tỉnh, gồm Hà Giang, Hòa Bình, Quảng Trị, Kon Tum và Trà Vinh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
2	KTNN chuyên ngành Ia								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	72,808,537,035	4,284,120,337	0	112,318,000	4,171,802,337	0	68,524,416,698	0
	Bộ Quốc Phòng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	72,808,537,035	4,284,120,337	0	112,318,000	4,171,802,337	0	68,524,416,698	0
3	KTNN chuyên ngành Ib								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	49,019,602,658	19,366,735,723	738,802,479	994,266,056	17,633,667,188	0	29,652,866,936	0
	Năm kiểm toán 2023								
	Bộ Công an								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	49,019,602,658	19,366,735,723	738,802,479	994,266,056	17,633,667,188	0	29,652,866,936	0
4	KTNN chuyên ngành II								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,849,707,765	1,581,381,459	741,425,137	810,900,000	29,056,322	0	268,326,306	0
	Năm kiểm toán 2023								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,849,707,765	1,581,381,459	741,425,137	810,900,000	29,056,322	0	268,326,306	0
	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 của Bộ Công Thương								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	297,389,628	29,063,322	7,000	0	29,056,322	0	268,326,306	0
	Đầu tư xây dựng Nhà hiệu bộ, lý thuyết - thư viện của Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thương mại								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	297,382,628	29,056,322	0	0	29,056,322	0	268,326,306	0
	Viện Khoa học và công nghệ Mỏ - Luyện kim								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	7,000	7,000	7,000	0	0	0	0	0
	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 của Văn phòng Chính phủ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	741,418,137	741,418,137	741,418,137	0	0	0	0	0
	Vụ Kế hoạch tài chính								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	741,418,137	741,418,137	741,418,137	0	0	0	0	0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	810,900,000	810,900,000	0	810,900,000	0	0	0	0
	Vụ Kế hoạch - Tài chính								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	810,900,000	810,900,000	0	810,900,000	0	0	0	0
5	KTNN chuyên ngành III								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	348,403,769,747	250,038,735,109	50,080,000	249,988,655,109	0	0	98,365,034,638	0
	Năm kiểm toán 2023								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	348,403,769,747	250,038,735,109	50,080,000	249,988,655,109	0	0	98,365,034,638	0
	Báo cáo Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại Bộ Y tế và chuyên đề công tác lập, phân bổ vốn đầu tư chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; việc thực hiện các chính sách đầu tư phát triển theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 tại Bộ Y tế								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	9,257,396,144	1,537,497,144	0	1,537,497,144	0	0	7,719,899,000	0
	Vụ Kế hoạch - Tài chính								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	9,257,396,144	1,537,497,144	0	1,537,497,144	0	0	7,719,899,000	0
	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	12,851,311,082	0	0	0	0	0	12,851,311,082	0
	Ban Quản lý Dự án Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	12,851,311,082	0	0	0	0	0	12,851,311,082	0
	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 của Đại học Quốc gia Hà Nội								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	17,299,780,517	0	0	0	0	0	17,299,780,517	0
	Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,232,442,084	0	0	0	0	0	2,232,442,084	0
	Trường Đại học Kinh tế - Đại học quốc gia Hà Nội								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	11,568,182,000	0	0	0	0	0	11,568,182,000	0
	Trường Đại học Ngoại Ngữ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,499,156,433	0	0	0	0	0	3,499,156,433	0
	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022 tại Bộ Giáo dục và Đào tạo; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học và công nghệ giai đoạn 2020 - 2022 tại Bộ Giáo dục và Đào tạo; Kiểm toán chuyên đề công tác lập, phân bổ vốn đầu tư Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH; việc thực hiện các chính sách đầu tư phát triển theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 tại Bộ Giáo dục và Đào tạo								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	12,850,072,295	17,292,500	0	17,292,500	0	0	12,832,779,795	0
	Văn phòng Bộ Giáo dục và Đào tạo								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	11,427,819,395	0	0	0	0	0	11,427,819,395	0
	Vụ Kế hoạch - Tài chính								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	17,292,500	17,292,500	0	17,292,500	0	0	0	0
	Trường Đại học Cần Thơ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,404,960,400	0	0	0	0	0	1,404,960,400	0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2022; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022; Chuyên đề việc đầu tư mua sắm, ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin, các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin giai đoạn 2020-2022 tại Bộ Khoa học và Công nghệ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	273,762,076,432	226,100,812,188	50,080,000	226,050,732,188	0	0	47,661,264,244	0
	Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Cục Sở hữu trí tuệ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	186,115,692,401	186,115,692,401	0	186,115,692,401	0	0	0	0
	Báo điện tử Tin nhanh Việt Nam (VnExpress)								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	21,031,390	21,031,390	0	21,031,390	0	0	0	0
	Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Vụ Công nghệ cao								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	26,400,000	0	0	0	0	0	26,400,000	0
	Vụ Phát triển khoa học và công nghệ địa phương								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	488,900,000	0	0	0	0	0	488,900,000	0
	Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	622,444,280	622,444,280	0	622,444,280	0	0	0	0
	Văn phòng các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	34,045,737,567	7,007,495,843	0	7,007,495,843	0	0	27,038,241,724	0
	Văn phòng các Chương trình trọng điểm cấp nhà nước								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	38,728,341,274	32,334,148,274	50,080,000	32,284,068,274	0	0	6,394,193,000	0
	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	13,713,529,520	0	0	0	0	0	13,713,529,520	0
	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 tại Bộ Y tế								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	9,992,094,195	9,992,094,195	0	9,992,094,195	0	0	0	0
	Vụ Kế hoạch - Tài chính								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	9,992,094,195	9,992,094,195	0	9,992,094,195	0	0	0	0
	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 tại Đại học Quốc gia Hà Nội								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	12,391,039,082	12,391,039,082	0	12,391,039,082	0	0	0	0
	Đại học Quốc gia Hà Nội								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	12,391,039,082	12,391,039,082	0	12,391,039,082	0	0	0	0
6	KTNN chuyên ngành IV								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	85,059,326,320	6,919,170,049	0	2,122,854,000	4,796,316,049	0	78,140,156,271	0
	Năm kiểm toán 2023								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	85,059,326,320	6,919,170,049	0	2,122,854,000	4,796,316,049	0	78,140,156,271	0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương: Phú Thọ, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Thanh Hóa, Bình Phước, Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Vĩnh Long, Cần Thơ (13 địa phương)								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	76,337,907,234	6,639,607,000	0	2,122,854,000	4,516,753,000	0	69,698,300,234	0
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bà Rịa - Vũng Tàu								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thành phố Cần Thơ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	615,490,000	557,905,000	0	0	557,905,000	0	57,585,000	0
	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Bình Phước								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,122,854,000	2,122,854,000	0	2,122,854,000	0	0	0	0
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hải Phòng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	255,377,475	0	0	0	0	0	255,377,475	0
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hải Dương								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	71,202,763,759	3,958,848,000	0	0	3,958,848,000	0	67,243,915,759	0
	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Bình Dương								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đồng Nai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,141,422,000	0	0	0	0	0	2,141,422,000	0
	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối Quốc lộ 91 và Quốc lộ 61C)								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,066,922,037	0	0	0	0	0	1,066,922,037	0
	Sở Giao thông Vận tải thành phố Cần Thơ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,066,922,037	0	0	0	0	0	1,066,922,037	0
	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng tuyến đường bộ trên cao dọc đường Vành đai 2, đoạn từ cầu Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Sở, kết hợp với mở rộng theo quy hoạch phân đi bằng đoạn từ Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Vọng theo hình thức hợp đồng BT								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	989,973,000	0	0	0	0	0	989,973,000	0
	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	989,973,000	0	0	0	0	0	989,973,000	0
	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	222,984,753	222,984,753	0	0	222,984,753	0	0	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình Giao thông tỉnh Bắc Kạn								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	222,984,753	222,984,753	0	0	222,984,753	0	0	0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án tuyến đường trục phát triển kinh tế Đông Tây, tỉnh Sóc Trăng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	-26,590,000	-26,590,000	0	0	-26,590,000	0	0	0
	Ban Quản lý dự án 2 tỉnh Sóc Trăng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	-26,590,000	-26,590,000	0	0	-26,590,000	0	0	0
	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến -Diêm Vân								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh Bình Định								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án quản lý nguồn nước và ngập lụt Vĩnh Phúc								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	6,468,129,296	83,168,296	0	0	83,168,296	0	6,384,961,000	0
	Ban quản lý dự án Sử dụng vốn vay nước ngoài tỉnh Vĩnh Phúc								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	6,468,129,296	83,168,296	0	0	83,168,296	0	6,384,961,000	0
	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Phát triển tổng hợp đô thị động lực - Thành phố Thái Nguyên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ban Quản lý dự án Phát triển tổng hợp đô thị động lực – thành phố Thái Nguyên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
7	KTNN chuyên ngành V								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	635,362,080,099	40,310,958,562	386,445,980	2,503,368,421	37,421,144,161	0	595,051,121,537	0
	Năm kiểm toán 2023								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	635,362,080,099	40,310,958,562	386,445,980	2,503,368,421	37,421,144,161	0	595,051,121,537	0
	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý sử dụng vốn đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng Nhà quốc hội Lào								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	560,227,718,378	10,300,364,770	0	0	10,300,364,770	0	549,927,353,608	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng chuyên ngành - Bộ Xây dựng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	560,227,718,378	10,300,364,770	0	0	10,300,364,770	0	549,927,353,608	0
	Kiểm toán Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tại Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các địa phương: Lào Cai, Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Yên Bái, Cao Bằng, Nghệ An, Quảng Trị, Quảng Nam, Khánh Hòa, Bến Tre (12 địa phương)								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	7,673,965,092	7,673,965,092	0	369,368,421	7,304,596,671	0	0	0
	Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	4,839,152,514	4,839,152,514	0	269,368,421	4,569,784,093	0	0	0
	Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,000,000,000	2,000,000,000	0	0	2,000,000,000	0	0	0
	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	34,812,578	34,812,578	0	0	34,812,578	0	0	0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	100,000,000	100,000,000	0	100,000,000	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	700,000,000	700,000,000	0	0	700,000,000	0	0	0
	Kiểm toán Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 tại Ủy ban dân tộc và các địa phương: Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Sơn La, Điện Biên, Nghệ An, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Nông (12 địa phương)								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	15,844,297,000	12,038,063,000	0	2,134,000,000	9,904,063,000	0	3,806,234,000	0
	Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	145,030,000	145,030,000	0	0	145,030,000	0	0	0
	Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	13,554,491,000	9,748,257,000	0	0	9,748,257,000	0	3,806,234,000	0
	Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	10,776,000	10,776,000	0	0	10,776,000	0	0	0
	Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,134,000,000	2,134,000,000	0	2,134,000,000	0	0	0	0
	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý sử dụng vốn đầu tư Dự án Mỏ Khe Chàm II-IV								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,174,440,056	0	0	0	0	0	2,174,440,056	0
	Công ty Than Hạ Long - TKV								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,174,440,056	0	0	0	0	0	2,174,440,056	0
	Dự án khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	163,084,000	0	0	0	0	0	163,084,000	0
	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - Công ty cổ phần								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	163,084,000	0	0	0	0	0	163,084,000	0
	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	8,797,749,332	8,797,749,332	0	0	8,797,749,332	0	0	0
	Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,288,915,000	2,288,915,000	0	0	2,288,915,000	0	0	0
	Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	6,508,834,332	6,508,834,332	0	0	6,508,834,332	0	0	0
	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý sử dụng vốn đầu tư dự án thành phần 3 - Các công trình thiết yếu trong cảng hàng không thuộc Dự án Cảng Hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	39,366,455,853	386,445,980	386,445,980	0	0	0	38,980,009,873	0
	Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam - Công ty Cổ phần								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	39,366,455,853	386,445,980	386,445,980	0	0	0	38,980,009,873	0
	Dự án khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh Miền trung - tỉnh Quảng Ngãi								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,114,370,388	1,114,370,388	0	0	1,114,370,388	0	0	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình Giao thông tỉnh Quảng Ngãi								

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,114,370,388	1,114,370,388	0	0	1,114,370,388	0	0	0
8	KTNN chuyên ngành VI								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	17,014,949,596	1,431,795,651	1,431,795,651	0	0	15,172,172	15,567,981,773	0
	Năm kiểm toán 2023								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	17,014,949,596	1,431,795,651	1,431,795,651	0	0	15,172,172	15,567,981,773	0
	Kiểm toán chuyên đề công tác quản lý đầu tư xây dựng của Công ty mẹ - Tập đoàn Điện lực Việt Nam đối với các dự án nhóm B, C giai đoạn 2019-2022 do Tổng công ty Điện lực miền Bắc, Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội, Tổng công ty Điện lực miền Trung quản lý, thực hiện								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	12,420,074,373	0	0	0	0	0	12,420,074,373	0
	Ban Quản lý dự án Phát triển Điện lực								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	5,280,035,877	0	0	0	0	0	5,280,035,877	0
	Ban quản lý dự án lưới điện Hà Nội								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ban Quản lý dự án Lưới điện miền Bắc								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	7,140,038,496	0	0	0	0	0	7,140,038,496	0
	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam - TNHH MTV								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,431,795,651	1,431,795,651	1,431,795,651	0	0	0	0	0
	Công ty Cổ phần Vận hành và Bảo trì đường cao tốc Việt Nam								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật đường cao tốc Việt Nam								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Công ty Cổ phần 715								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,431,795,651	1,431,795,651	1,431,795,651	0	0	0	0	0
	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	15,172,172	0	0	0	0	15,172,172	0	0
	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,147,907,400	0	0	0	0	0	3,147,907,400	0
	Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,147,907,400	0	0	0	0	0	3,147,907,400	0
9	KTNN chuyên ngành VII								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	19,894,849,856	2,446,871,909	1,744,002,907	0	702,869,002	0	17,447,977,947	0
	Năm kiểm toán 2023								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	19,894,849,856	2,446,871,909	1,744,002,907	0	702,869,002	0	17,447,977,947	0
	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Ngân hàng Chính sách xã hội								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	126,980,000	0	0	0	0	0	126,980,000	0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Ngân hàng chính sách xã hội								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	126,980,000	0	0	0	0	0	126,980,000	0
	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Kiểm toán hoạt động chủ đề Chương trình hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP; Kiểm toán chuyên đề việc đầu tư mua sắm, ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin, các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin giai đoạn 2020-2022 tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	221,122,210	221,122,210	0	0	221,122,210	0	0	0
	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022; Kiểm toán hoạt động chủ đề chương trình hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	481,746,794	481,746,794	2	0	481,746,792	0	0	0
	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	481,746,792	481,746,792	0	0	481,746,792	0	0	0
	Kiểm toán chuyên đề việc giao dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp tại BHXH Việt Nam theo Nghị quyết số 09/2021/UBTVQH15								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	9,426,927,713	0	0	0	0	0	9,426,927,713	0
	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	9,426,927,713	0	0	0	0	0	9,426,927,713	0
	Kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2022; Kiểm toán hoạt động Chương trình hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	9,638,073,139	1,744,002,905	1,744,002,905	0	0	0	7,894,070,234	0
	Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Trụ sở chính								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	9,638,073,413	1,744,003,179	1,744,003,179	0	0	0	7,894,070,234	0
10	KTNN khu vực I								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	682,720,139,030	36,262,456,775	553,400,229	18,497,656,093	17,211,400,453	0	646,457,682,255	0
	Năm kiểm toán 2023								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	682,720,139,030	36,262,456,775	553,400,229	18,497,656,093	17,211,400,453	0	646,457,682,255	0
	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 và Chuyên đề lồng ghép của thành phố Hà Nội								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	139,815,029,406	32,104,900,250	553,400,229	17,886,770,518	13,664,729,503	0	107,710,129,156	0
	Ủy ban nhân dân huyện Ba Vì								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,941,296,000	317,652,000	0	0	317,652,000	0	2,623,644,000	0
	Ủy ban nhân dân huyện Đan Phượng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Đức								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	14,084,287,056	0	0	0	0	0	14,084,287,056	0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Ủy ban nhân dân huyện Hoài Đức								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	8,844,401,174	2,563,092,341	553,400,229	813,973,112	1,195,719,000	0	6,281,308,833	0
	Ủy ban nhân dân huyện Thường Tín								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	7,176,701,362	848,042,730	0	0	848,042,730	0	6,328,658,632	0
	Ủy ban nhân dân quận Bắc Từ Liêm								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	17,597,069,237	664,892,044	0	0	664,892,044	0	16,932,177,193	0
	Ủy ban nhân dân quận Đống Đa								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	524,838,323	0	0	0	0	0	524,838,323	0
	Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân quận Hoàng Mai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	451,438,510	216,386,894	0	0	216,386,894	0	235,051,616	0
	Ủy ban nhân dân quận Long Biên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	26,494,705,808	17,072,797,406	0	17,072,797,406	0	0	9,421,908,402	0
	Ủy ban nhân dân quận Nam Từ Liêm								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	19,762,390,220	7,283,354,916	0	0	7,283,354,916	0	12,479,035,304	0
	Ủy ban nhân dân huyện Thanh Trì								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	266,295,227	0	0	0	0	0	266,295,227	0
	Ủy ban nhân dân thị xã Sơn Tây								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	6,850,754,079	0	0	0	0	0	6,850,754,079	0
	Sở Tài chính thành phố Hà Nội								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	18,914,713,571	0	0	0	0	0	18,914,713,571	0
	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp thành phố Hà Nội								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	8,995,006,528	2,796,760,126	0	0	2,796,760,126	0	6,198,246,402	0
	Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,103,307,542	0	0	0	0	0	2,103,307,542	0
	Ủy ban nhân dân huyện Thạch Thất								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	4,807,824,769	341,921,793	0	0	341,921,793	0	4,465,902,976	0
	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng cầu Vĩnh Tuy - giai đoạn 2								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	11,491,110,355	2	0	0	2	0	11,491,110,353	0
	Đầu tư xây dựng cầu Vĩnh Tuy - giai đoạn 2								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	11,491,110,355	2	0	0	2	0	11,491,110,353	0
	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Vĩnh Phúc; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tại tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2022; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Vĩnh Phúc; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do tỉnh Vĩnh Phúc quản lý giai đoạn 2020-2022; Kiểm toán hoạt động chủ đề việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	72,967,695,429	3,967,156,848	0	538,767,993	3,428,388,855	0	69,000,538,581	0
	Ủy ban nhân dân thành phố Phúc Yên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,362,349,661	1,985,979,221	0	139,458,901	1,846,520,320	0	1,376,370,440	0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình Giao thông tỉnh Vĩnh Phúc								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,675,476,881	410,999,381	0	0	410,999,381	0	1,264,477,500	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Vĩnh Phúc								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	5,559,992,519	0	0	0	0	0	5,559,992,519	0
	Ủy ban nhân dân huyện Yên Lạc								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	14,713,221,622	0	0	0	0	0	14,713,221,622	0
	Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Tường								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	14,181,238,587	840,658,660	0	56,028,592	784,630,068	0	13,340,579,927	0
	Ủy ban nhân dân huyện Tam Đảo								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Lập Thạch								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,337,094,226	729,519,586	0	343,280,500	386,239,086	0	607,574,640	0
	Sở Tài chính Vĩnh Phúc								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,175,686,000	0	0	0	0	0	3,175,686,000	0
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Vĩnh Phúc								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sở Giao thông Vận tải Vĩnh Phúc								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Quỹ Phòng - chống thiên tai tỉnh Vĩnh Phúc								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	28,962,635,933	0	0	0	0	0	28,962,635,933	0
	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 và các chuyên đề lồng ghép của tỉnh Bắc Ninh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	387,324,110,595	190,399,675	0	72,117,582	118,282,093	0	387,133,710,920	0
	Ủy ban nhân dân huyện Lương Tài								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,445,533,883	0	0	0	0	0	2,445,533,883	0
	Ủy ban nhân dân huyện Quế Võ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	7,955,626,149	0	0	0	0	0	7,955,626,149	0
	Ủy ban nhân dân huyện Thuận Thành								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Yên Phong								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Bắc Ninh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	115,198,055,307	0	0	0	0	0	115,198,055,307	0
	Quỹ Phát triển đất tỉnh Bắc Ninh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	238,972,000,000	0	0	0	0	0	238,972,000,000	0
	Sở Tài chính Bắc Ninh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	22,562,495,581	0	0	0	0	0	22,562,495,581	0
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Ninh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	16,638,226	16,638,226	0	0	16,638,226	0	0	0
	Sở Giao thông Vận tải Bắc Ninh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	173,761,449	173,761,449	0	72,117,582	101,643,867	0	0	0
	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 thành phố Hà Nội								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	71,122,193,229	0	0	0	0	0	71,122,193,229	0
	Sở Tài chính thành phố Hà Nội								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	32,746,907,931	0	0	0	0	0	32,746,907,931	0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sở Giao thông Vận tải thành phố Hà Nội								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	38,375,285,298	0	0	0	0	0	38,375,285,298	0
	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng Cung thiếu nhi Hà Nội								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	16	0	0	0	0	0	16	0
	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng thành phố Hà Nội								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	16	0	0	0	0	0	16	0
	Kiểm toán Báo cáo quyết toán Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý nước thải tập trung Cầu Ngà tại xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Phú Điền								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
11	KTNN khu vực II								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	162,469,874,259	28,655,709,405	0	25,470,630,762	3,185,078,643	0	133,461,428,821	352,736,033
	Năm kiểm toán 2023								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	162,469,874,259	28,655,709,405	0	25,470,630,762	3,185,078,643	0	133,461,428,821	352,736,033
	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Nghệ An; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Nghệ An; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Nghệ An								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	93,878,840,314	24,617,437,135	0	21,938,229,175	2,679,207,960	0	68,908,667,146	352,736,033
	Sở Khoa học Và Công nghệ Nghệ An								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	159,036,700	0	0	0	0	0	159,036,700	0
	Ủy ban nhân dân huyện Đô Lương								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	530,482,862	211,416,750	0	0	211,416,750	0	319,066,112	0
	Ủy ban nhân dân huyện Kỳ Sơn								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	676,058,722	660,486,722	0	347,020,558	313,466,164	0	15,572,000	0
	Ủy ban nhân dân huyện Nam Đàn								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	46	46	0	0	46	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Châu								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	461,475,000	461,475,000	0	0	461,475,000	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Hợp								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	368,091,000	368,091,000	0	0	368,091,000	0	0	0
	Ủy ban nhân dân thành phố Vinh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	212,029,000	212,029,000	0	0	212,029,000	0	0	0
	Ủy ban nhân dân thị xã Cửa Lò								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,904,182,974	0	0	0	0	0	1,904,182,974	0
	Sở Tài chính Nghệ An								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	30,000,000	30,000,000	0	30,000,000	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân thị xã Hoàng Mai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	56,492,000	56,492,000	0	0	56,492,000	0	0	0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Nghệ An								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	451,041,000	451,041,000	0	0	451,041,000	0	0	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Nghệ An								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	228,294,000	228,294,000	0	0	228,294,000	0	0	0
	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm Nông nghiệp sông Hiếu								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên nhà nước Xô số kiến thiết Nghệ An								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên 1-5 Nghệ An								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	352,736,033	0	0	0	0	0	0	352,736,033
	Quỹ Bảo vệ phát triển rừng tỉnh Nghệ An								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	29,711,018,517	21,481,618,517	0	21,481,618,517	0	0	8,229,400,000	0
	Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh Nghệ An								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường Đại học Y khoa Vinh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	25,100,930,100	265,480,100	0	79,590,100	185,890,000	0	24,835,450,000	0
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Nghệ An								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	191,013,000	191,013,000	0	0	191,013,000	0	0	0
	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Kho bạc Nhà nước tỉnh Nghệ An								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	22,617,704,820	0	0	0	0	0	22,617,704,820	0
	Ủy ban nhân dân huyện Diễn Châu								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	10,828,254,540	0	0	0	0	0	10,828,254,540	0
	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 (Đoạn Cam Lộ - La Sơn)								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	52	52	0	0	52	0	0	0
	Sở Giao thông Vận tải Thừa Thiên Huế								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ban Quản lý Dự án Đường Hồ Chí Minh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	52	52	0	0	52	0	0	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện Phong Điền								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Kiểm toán ngân sách địa phương và Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 tỉnh Hà Tĩnh; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Hà Tĩnh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	17,537,990,631	1,205,870,631	0	700,000,000	505,870,631	0	16,332,120,000	0
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Tĩnh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sở Tài chính Hà Tĩnh								

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	700,000,000	700,000,000	0	700,000,000	0	0	0	0
	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Tĩnh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	16,332,120,000	0	0	0	0	0	16,332,120,000	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	505,870,631	505,870,631	0	0	505,870,631	0	0	0
	Báo cáo kiểm toán báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 tỉnh Quảng Bình; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do tỉnh Quảng Bình quản lý giai đoạn 2020-2022; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Quảng Bình								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,873,220,012	0	0	0	0	0	1,873,220,012	0
	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Bình								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,873,220,012	0	0	0	0	0	1,873,220,012	0
	Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 tỉnh Quảng Trị; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Quảng Trị								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	20,860,945,170	2,832,401,587	0	2,832,401,587	0	0	18,028,543,583	0
	Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Trị								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	11,574,264,989	0	0	0	0	0	11,574,264,989	0
	Sở Tài Chính Quảng Trị								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	9,286,680,181	2,832,401,587	0	2,832,401,587	0	0	6,454,278,594	0
	Kiểm toán Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 tỉnh Thừa Thiên Huế; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Thừa Thiên Huế								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	28,318,878,080	0	0	0	0	0	28,318,878,080	0
	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Thừa Thiên Huế								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	28,318,878,080	0	0	0	0	0	28,318,878,080	0
12	KTNN khu vực III								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	292,271,418,494	183,071,952,092	41,767,423,225	133,887,941,493	7,416,587,374	0	109,199,466,402	0
	Năm kiểm toán 2023								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	292,271,418,494	183,071,952,092	41,767,423,225	133,887,941,493	7,416,587,374	0	109,199,466,402	0
	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Quảng Ngãi; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Quảng Ngãi; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Quảng Ngãi; Chuyên đề công tác quản lý, sử dụng đất đai nhà nước cho thuê giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,746,677,013	1,144,410,013	580,771,013	0	563,639,000	0	1,602,267,000	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	69,908,000	69,908,000	0	0	69,908,000	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Sơn Hà								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,001,729,000	151,729,000	0	0	151,729,000	0	850,000,000	0
	Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa								

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,006,714,000	254,447,000	0	0	254,447,000	0	752,267,000	0
	Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Cục Thuế Tỉnh Quảng Ngãi								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	580,771,013	580,771,013	580,771,013	0	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Bình Sơn								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	87,555,000	87,555,000	0	0	87,555,000	0	0	0
	Báo cáo kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Bình Định								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	29,816,963,051	868,548,828	0	868,548,828	0	0	28,948,414,223	0
	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Định								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	28,948,414,223	0	0	0	0	0	28,948,414,223	0
	Sở Tài chính Bình Định								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	868,548,828	868,548,828	0	868,548,828	0	0	0	0
	Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 tỉnh Quảng Nam								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	34,274,973,199	2,627,000,000	0	2,627,000,000	0	0	31,647,973,199	0
	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	34,274,973,199	2,627,000,000	0	2,627,000,000	0	0	31,647,973,199	0
	Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 tỉnh Quảng Ngãi								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	55,118,058,748	55,118,058,748	0	55,118,058,748	0	0	0	0
	Sở Tài chính Quảng Ngãi								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	55,118,058,748	55,118,058,748	0	55,118,058,748	0	0	0	0
	Kiểm toán NSDP và Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 thành phố Đà Nẵng; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại thành phố Đà Nẵng; Kiểm toán chuyên đề công tác quản lý, sử dụng đất nhà nước cho thuê giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	170,314,746,483	123,313,934,503	41,186,652,212	75,274,333,917	6,852,948,374	0	47,000,811,980	0
	Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	19,700,448,163	0	0	0	0	0	19,700,448,163	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng và Phát triển đô thị thành phố Đà Nẵng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,051,390,000	2,051,390,000	0	0	2,051,390,000	0	0	0
	Ban Quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên thành phố Đà Nẵng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	520,363,114	520,363,114	0	0	520,363,114	0	0	0
	Ủy ban nhân dân quận Ngũ Hành Sơn								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	9,731,578,799	9,731,578,799	0	9,731,578,799	0	0	0	0
	Sở Giao thông Vận tải thành phố Đà Nẵng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	523,500,000	523,500,000	0	523,500,000	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân quận Thanh Khê								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	18,009,229,897	18,009,229,897	0	18,009,229,897	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân quận Cẩm Lệ								

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	16,887,289,160	16,887,289,160	0	16,651,085,160	236,204,000	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Hòa Vang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,437,719,953	117,916,000	0	117,916,000	0	0	2,319,803,953	0
	Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	22,110,504,775	22,110,504,775	0	22,110,504,775	0	0	0	0
	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao và Các khu công nghiệp Đà Nẵng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,670,330,136	1,670,330,136	0	1,670,330,136	0	0	0	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Giao thông thành phố Đà Nẵng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	6,493,843,260	3,254,484,260	0	0	3,254,484,260	0	3,239,359,000	0
	Cục Thuế Thành phố Đà Nẵng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	41,186,652,212	41,186,652,212	41,186,652,212	0	0	0	0	0
	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Đà Nẵng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	21,741,200,864	0	0	0	0	0	21,741,200,864	0
	Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	6,460,189,150	6,460,189,150	0	6,460,189,150	0	0	0	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình Dân dụng và Công nghiệp thành phố Đà Nẵng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	790,507,000	790,507,000	0	0	790,507,000	0	0	0
13	KTNN khu vực IV								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	373,627,829,934	217,025,617,257	15,858,461,114	190,217,928,170	10,949,227,973	0	156,602,212,677	0
	Năm kiểm toán 2023								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	373,627,829,934	217,025,617,257	15,858,461,114	190,217,928,170	10,949,227,973	0	156,602,212,677	0
	Kiểm toán hoạt động quản lý, công tác xử lý nước thải, rác thải; Chuyên đề việc chấp hành các quy định pháp luật về đầu tư, việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN đối với các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp (KCN) và doanh nghiệp hoạt động trong KCN giai đoạn 2018-2022 trên địa bàn tỉnh Long An								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,563,137,360	1,563,137,360	910,783,500	652,353,860	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân thành phố Tân An								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	652,353,860	652,353,860	0	652,353,860	0	0	0	0
	Cục Thuế Tỉnh Long An								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	910,783,500	910,783,500	910,783,500	0	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án Bệnh viện Đa khoa 1.500 giường								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	91,989,650,582	3,893,030,634	346,953,193	0	3,546,077,441	0	88,096,619,948	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	91,989,650,582	3,893,030,634	346,953,193	0	3,546,077,441	0	88,096,619,948	0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Kiểm toán NSDP năm 2022 của tỉnh Bình Dương; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020 - 2022 tại tỉnh Bình Dương; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020 - 2022 tại tỉnh Bình Dương; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Bình Dương								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	8,198,437,322	7,595,473,501	0	5,801,799,665	1,793,673,836	0	602,963,821	0
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du Lịch Bình Dương								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	814,827,214	814,827,214	0	0	814,827,214	0	0	0
	Sở Nội vụ Bình Dương								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	27,759,000	27,759,000	0	0	27,759,000	0	0	0
	Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Dương								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	6,404,763,486	5,801,799,665	0	5,801,799,665	0	0	602,963,821	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	743,998,269	743,998,269	0	0	743,998,269	0	0	0
	Ban Quản lý Dự án huyện Dầu Tiếng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	207,089,353	207,089,353	0	0	207,089,353	0	0	0
	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Long An								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	7,761,256,907	0	0	0	0	0	7,761,256,907	0
	Kho bạc Nhà nước tỉnh Long An								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	7,761,256,907	0	0	0	0	0	7,761,256,907	0
	Sở Tài chính Long An								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Tây Ninh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,937,929,405	0	0	0	0	0	1,937,929,405	0
	Kho bạc Nhà nước tỉnh Tây Ninh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,937,929,405	0	0	0	0	0	1,937,929,405	0
	Sở Tài chính Tây Ninh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Kiểm toán NSDP năm 2022 của Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020 -2022 tại Thành phố Hồ Chí Minh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	262,177,418,358	203,973,975,762	14,600,724,421	183,763,774,645	5,609,476,696	0	58,203,442,596	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình Dân dụng và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	28,132,008,286	37,562,268	0	0	37,562,268	0	28,094,446,018	0
	Sở Công thương thành phố Hồ Chí Minh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	89,248,471	89,248,471	3,150,000	86,098,471	0	0	0	0
	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ công ích huyện Củ Chi								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh								
	Sổ chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	9,998,736,994	9,998,736,994	9,892,010,994	0	106,726,000	0	0	0
	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ Cơ quan Nước ngoài								
	Sổ chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	577,019,176	577,019,176	577,019,176	0	0	0	0	0
	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý khai thác dịch vụ thủy lợi thành phố Hồ Chí Minh								
	Sổ chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	860,002,000	860,002,000	0	0	860,002,000	0	0	0
	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 11								
	Sổ chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	136,104,480	136,104,480	136,104,480	0	0	0	0	0
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hồ Chí Minh								
	Sổ chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	4,773,129,344	4,773,129,344	0	4,773,129,344	0	0	0	0
	Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh								
	Sổ chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,161,704,202	2,161,704,202	0	2,161,704,202	0	0	0	0
	Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh								
	Sổ chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	116,455,442,172	116,455,442,172	0	116,455,442,172	0	0	0	0
	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ công ích Quận 7								
	Sổ chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ban Quản lý Khu nông nghiệp công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh								
	Sổ chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường Đại học Sài Gòn								
	Sổ chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	29,040,812,582	29,040,812,582	0	29,040,812,582	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân Quận 12								
	Sổ chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	460,200,000	460,200,000	0	460,200,000	0	0	0	0
	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 8								
	Sổ chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	12,952,439,771	3,992,439,771	3,992,439,771	0	0	0	8,960,000,000	0
	Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên								
	Sổ chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ công ích thanh niên xung phong								
	Sổ chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân Quận 11								
	Sổ chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	24,838,434,175	6,930,468,597	0	3,078,901,769	3,851,566,828	0	17,907,965,578	0
	Trung tâm Quản lý điều hành Giao thông đô thị thành phố Hồ Chí Minh								
	Sổ chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh								
	Sổ chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	73,426,339	73,426,339	0	0	73,426,339	0	0	0
	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận								
	Sổ chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,354,499,414	1,354,499,414	0	1,136,648,806	217,850,608	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi								
	Sổ chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ								

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,481,886,653	240,855,653	0	0	240,855,653	0	3,241,031,000	0
	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	819,487,000	819,487,000	0	598,000,000	221,487,000	0	0	0
	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	25,972,837,299	25,972,837,299	0	25,972,837,299	0	0	0	0
14	KTNN khu vực V								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	122,273,721,256	2,855,704,839	0	0	2,855,704,839	0	119,418,016,417	0
	Năm kiểm toán 2023								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	122,273,721,256	2,855,704,839	0	0	2,855,704,839	0	119,418,016,417	0
	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Hậu Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	8,081,608,725	86,140,000	0	0	86,140,000	0	7,995,468,725	0
	Ủy ban nhân dân huyện Long Mỹ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	7,411,658,725	64,674,000	0	0	64,674,000	0	7,346,984,725	0
	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành A								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	669,950,000	21,466,000	0	0	21,466,000	0	648,484,000	0
	Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2022-2022 tại thành phố Cần Thơ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	44,500,000,000	0	0	0	0	0	44,500,000,000	0
	Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Quỹ Phát triển đất thành phố Cần Thơ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	44,500,000,000	0	0	0	0	0	44,500,000,000	0
	Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2022-2022 tại tỉnh Hậu Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	324,275,000	0	0	0	0	0	324,275,000	0
	Sở Tài chính Hậu Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	324,275,000	0	0	0	0	0	324,275,000	0
	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Kiên Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Kiên Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Kiên Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	64,785,185,203	2,769,564,839	0	0	2,769,564,839	0	62,015,620,364	0
	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	49,914,527,687	0	0	0	0	0	49,914,527,687	0
	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kiên Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sở Tài chính Kiên Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sở Giao thông Vận tải Kiên Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	13,847,449,055	1,746,356,378	0	0	1,746,356,378	0	12,101,092,677	0
	Sở Du lịch Kiên Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	64,398,461	64,398,461	0	0	64,398,461	0	0	0
	Sở Y tế Kiên Giang								

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	958,810,000	958,810,000	0	0	958,810,000	0	0	0
	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Sóc Trăng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	4,582,652,328	0	0	0	0	0	4,582,652,328	0
	Sở Tài chính Sóc Trăng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	4,582,652,328	0	0	0	0	0	4,582,652,328	0
	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Cà Mau								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sở Tài chính Cà Mau								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
15	KTNN khu vực VI								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	34,764,765,793	0	0	0	0	0	34,764,765,793	0
	Năm kiểm toán 2023								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	34,764,765,793	0	0	0	0	0	34,764,765,793	0
	Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Bắc Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	23,248,927,490	0	0	0	0	0	23,248,927,490	0
	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bắc Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	23,248,927,490	0	0	0	0	0	23,248,927,490	0
	Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại thành phố Hải Phòng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,136,422,000	0	0	0	0	0	3,136,422,000	0
	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố Hải Phòng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,136,422,000	0	0	0	0	0	3,136,422,000	0
	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Bắc Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	8,379,416,301	0	0	0	0	0	8,379,416,301	0
	Sở Tài chính Bắc Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	8,379,416,301	0	0	0	0	0	8,379,416,301	0
16	KTNN khu vực VII								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	302,711,230,389	13,606,055,734	189,400,586	8,513,768,450	4,902,886,698	0	289,105,174,655	0
	Năm kiểm toán 2023								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	302,711,230,389	13,606,055,734	189,400,586	8,513,768,450	4,902,886,698	0	289,105,174,655	0
	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Lào Cai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,248,078,929	999,068,929	0	0	999,068,929	0	1,249,010,000	0
	Ủy ban nhân dân huyện Văn Bàn								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	298,109,879	298,109,879	0	0	298,109,879	0	0	0
	Sở Tài chính Lào Cai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,249,010,000	0	0	0	0	0	1,249,010,000	0
	Ủy ban nhân dân thành phố Lào Cai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	102,588,632	102,588,632	0	0	102,588,632	0	0	0
	Ủy ban nhân dân thị xã Sa Pa								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	254,994,170	254,994,170	0	0	254,994,170	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	19,433,490	19,433,490	0	0	19,433,490	0	0	0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Ủy ban nhân dân huyện Mường Khương								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	323,942,758	323,942,758	0	0	323,942,758	0	0	0
	Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Yên Bái								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	4,730,326,620	138,000,000	138,000,000	0	0	0	4,592,326,620	0
	Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Yên Bái								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,842,800,000	0	0	0	0	0	2,842,800,000	0
	Quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh Yên Bái								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	138,000,000	138,000,000	138,000,000	0	0	0	0	0
	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Yên Bái								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,749,526,620	0	0	0	0	0	1,749,526,620	0
	Quỹ Phát triển đất tỉnh Yên Bái								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Sơn La; Kiểm toán hoạt động chủ đề Đề án ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La (Đề án 666) tại tỉnh Sơn La								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	236,600,694	58,915,694	51,400,586	0	7,515,108	0	177,685,000	0
	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Sơn La								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	181,185,586	3,500,586	3,500,586	0	0	0	177,685,000	0
	Ủy ban nhân dân huyện Thuận Châu								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	7,515,108	7,515,108	0	0	7,515,108	0	0	0
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sơn La								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	47,900,000	47,900,000	47,900,000	0	0	0	0	0
	Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Điện Biên; Kiểm toán hoạt động chủ đề Đề án ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La (Đề án 666) tại tỉnh Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	231,183,384	0	0	0	0	0	231,183,384	0
	Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	231,183,384	0	0	0	0	0	231,183,384	0
	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Phú Thọ; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Phú Thọ; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	16,592,453,379	4,963,702,661	0	1,067,400,000	3,896,302,661	0	11,628,750,718	0
	Sở Tài chính Phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	8,201,000,000	1,067,400,000	0	1,067,400,000	0	0	7,133,600,000	0
	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	597,605,598	0	0	0	0	0	597,605,598	0
	Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	289,187,000	0	0	0	0	0	289,187,000	0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Ủy ban nhân dân thị xã Phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	296,844,131	296,844,131	0	0	296,844,131	0	0	0
	Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh phú Thọ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Thanh Ba								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,327,264,953	928,572,486	0	0	928,572,486	0	398,692,467	0
	Ủy ban nhân dân huyện Yên Lập								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,420,021,876	1,352,105,873	0	0	1,352,105,873	0	67,916,003	0
	Ủy ban nhân dân huyện Thanh Thủy								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	4,460,529,821	1,318,780,171	0	0	1,318,780,171	0	3,141,749,650	0
	Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Điện Biên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	73,268,000	73,268,000	0	73,268,000	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Mường Nhé								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	73,268,000	73,268,000	0	73,268,000	0	0	0	0
	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Sơn La								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	271,249,418,933	23,200,000	0	23,200,000	0	0	271,226,218,933	0
	Ủy ban nhân dân huyện Phù Yên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	75,800	0	0	0	0	0	75,800	0
	Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	268,079,400,000	0	0	0	0	0	268,079,400,000	0
	Ủy ban nhân dân huyện Thuận Châu								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	23,200,000	23,200,000	0	23,200,000	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Mường La								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	486,543	0	0	0	0	0	486,543	0
	Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Bắc Yên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	39,800,000	0	0	0	0	0	39,800,000	0
	Sở Tài chính Sơn La								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,106,456,590	0	0	0	0	0	3,106,456,590	0
	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Yên Bái								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	7,349,900,450	7,349,900,450	0	7,349,900,450	0	0	0	0
	Sở Giáo dục và Đào tạo Yên Bái								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	150,000,450	150,000,450	0	150,000,450	0	0	0	0
	Trường Cao đẳng nghề Yên Bái								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	267,000,000	267,000,000	0	267,000,000	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,021,300,000	1,021,300,000	0	1,021,300,000	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân thị xã Nghĩa Lộ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	5,911,600,000	5,911,600,000	0	5,911,600,000	0	0	0	0
17	KTNN khu vực VIII								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	34,768,334,276	34,649,505,276	1,652,318,124	877,666,000	32,119,521,152	0	118,829,000	0
	Năm kiểm toán 2023								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	34,768,334,276	34,649,505,276	1,652,318,124	877,666,000	32,119,521,152	0	118,829,000	0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Kiểm toán chuyên đề đánh giá tính hiệu quả các chính sách ưu đãi đầu tư và việc đầu tư xây dựng dự án đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2020-2022								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,652,318,124	1,652,318,124	1,652,318,124	0	0	0	0	0
	Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,652,318,124	1,652,318,124	1,652,318,124	0	0	0	0	0
	Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Lộc Sơn - Phú Hội								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Kiểm toán chuyên đề đánh giá tính hiệu quả các chính sách ưu đãi đầu tư và việc đầu tư xây dựng dự án đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2020-2022								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	256,100,000	256,100,000	0	0	256,100,000	0	0	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Ninh Thuận								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	256,100,000	256,100,000	0	0	256,100,000	0	0	0
	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư Dự án tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,016,754,152	3,016,754,152	0	0	3,016,754,152	0	0	0
	Ban Quản lý Dự án 2								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,016,754,152	3,016,754,152	0	0	3,016,754,152	0	0	0
	Kiểm toán ngân sách địa phương và Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Khánh Hòa Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Khánh Hòa Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Khánh Hòa								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	28,070,884,000	28,070,884,000	0	0	28,070,884,000	0	0	0
	Sở Kế hoạch và Đầu tư Khánh Hòa								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	27,841,472,000	27,841,472,000	0	0	27,841,472,000	0	0	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	229,412,000	229,412,000	0	0	229,412,000	0	0	0
	Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Phú Yên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	877,666,000	877,666,000	0	877,666,000	0	0	0	0
	Sở Tài chính Phú Yên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	877,666,000	877,666,000	0	877,666,000	0	0	0	0
	Chương trình đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 11/8/2021 của HĐND tỉnh Phú Yên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	275,655,000	275,655,000	0	0	275,655,000	0	0	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Phú Yên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thị xã Sông Cầu								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	275,655,000	275,655,000	0	0	275,655,000	0	0	0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Chương trình, dự án phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	618,957,000	500,128,000	0	0	500,128,000	0	118,829,000	0
	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	299,492,000	180,663,000	0	0	180,663,000	0	118,829,000	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Ninh Thuận								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	319,465,000	319,465,000	0	0	319,465,000	0	0	0
18	KTNN khu vực IX								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	220,881,659,728	50,807,862,786	36,076,180	47,508,636,106	3,263,150,500	2,577,074,000	167,496,722,942	0
	Năm kiểm toán 2023								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	220,881,659,728	50,807,862,786	36,076,180	47,508,636,106	3,263,150,500	2,577,074,000	167,496,722,942	0
	Kiểm toán NSDP năm 2022 tỉnh Tiền Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tỉnh Tiền Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	9,399,293,641	752,449,697	0	60,270,697	692,179,000	0	8,646,843,944	0
	Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	952,665,570	0	0	0	0	0	952,665,570	0
	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,028,329,367	9,610,000	0	0	9,610,000	0	3,018,719,367	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	590,100,000	590,100,000	0	0	590,100,000	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,315,780,142	0	0	0	0	0	3,315,780,142	0
	Sở Giáo dục và Đào tạo Tiền Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	83,116,000	0	0	0	0	0	83,116,000	0
	Ủy ban nhân dân thành phố Gò Công								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,276,562,865	0	0	0	0	0	1,276,562,865	0
	Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	92,469,000	92,469,000	0	0	92,469,000	0	0	0
	Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội Tiền Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	60,270,697	60,270,697	0	60,270,697	0	0	0	0
	Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp nước Tiền Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	BCKT hoạt động xây dựng và việc quản lý sử dụng vốn đầu tư Dự án phát triển cơ sở hạ tầng tại tỉnh Đồng Tháp								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	834,558,500	834,558,500	0	0	834,558,500	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Thanh Bình								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	834,558,500	834,558,500	0	0	834,558,500	0	0	0
	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh An Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tỉnh An Giang								

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	142,114,286,057	44,692,861,356	0	43,036,448,356	1,656,413,000	2,577,074,000	94,844,350,701	0
	Công ty Cổ phần Xây lắp An Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	33,368,220,000	0	0	0	0	2,417,732,000	30,950,488,000	0
	Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh An Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	66,220,301	0	0	0	0	0	66,220,301	0
	Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh An Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,327,848,657	0	0	0	0	0	1,327,848,657	0
	Công ty Cổ phần Điện nước An Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	47,219,000	0	0	0	0	47,219,000	0	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Khu vực phát triển đô thị tỉnh An Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	134,215,000	134,215,000	0	0	134,215,000	0	0	0
	Sở Tài chính An Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	6,296,973,802	6,296,973,802	0	6,296,973,802	0	0	0	0
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn An Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,000,000,000	0	0	0	0	0	2,000,000,000	0
	Sở Khoa học và Công nghệ An Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	53,022,000	53,022,000	0	0	53,022,000	0	0	0
	Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,684,864,882	401,417,396	0	401,417,396	0	0	2,283,447,486	0
	Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	13,070,158,004	13,070,158,004	0	13,070,158,004	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân thị xã Tân Châu								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	11,960,393,153	10,369,713,153	0	10,109,347,153	260,366,000	0	1,590,680,000	0
	Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	7,258,138,610	562,845,000	0	71,677,000	491,168,000	0	6,695,293,610	0
	Ủy ban nhân dân thị xã Tịnh Biên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	56,438,170,147	6,507,797,500	0	6,089,822,500	417,975,000	0	49,930,372,647	0
	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	90,034,000	0	0	0	0	90,034,000	0	0
	Ủy ban nhân dân thành phố Châu Đốc								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	7,296,719,501	7,296,719,501	0	6,997,052,501	299,667,000	0	0	0
	Sở Y tế An Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Công ty Cổ phần Phà An Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	22,089,000	0	0	0	0	22,089,000	0	0
	BCKT Báo cáo quyết toán NSDP năm 2022 tỉnh Tiền Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	203,166,298	77,588,575	0	77,588,575	0	0	125,577,723	0
	Ủy ban nhân dân huyện Cái Bè								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	203,166,298	77,588,575	0	77,588,575	0	0	125,577,723	0
	BCKT BCQT ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Bến Tre; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế, giao thông, thủy lợi giai đoạn 2020-2022 của tỉnh Bến Tre								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	29,136,997,368	4,290,335,958	0	4,290,335,958	0	0	24,846,661,410	0
	Sở Thông tin và Truyền thông Bến Tre								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	17,223,804	0	0	0	0	0	17,223,804	0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	22,704,000	22,704,000	0	22,704,000	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	26,300	0	0	0	0	0	26,300	0
	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi Bến Tre								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,487,955,840	2,487,955,840	0	2,487,955,840	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,783,321,956	0	0	0	0	0	1,783,321,956	0
	Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	25,455,000	25,455,000	0	25,455,000	0	0	0	0
	Sở Tài chính Bến Tre								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	24,800,310,468	1,754,221,118	0	1,754,221,118	0	0	23,046,089,350	0
	BCKT BCQT ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Vĩnh Long; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế, giao thông, thủy lợi giai đoạn 2020-2022 của tỉnh Vĩnh Long								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	39,104,842,344	71,553,180	36,076,180	35,477,000	0	0	39,033,289,164	0
	Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	30,327,425,634	24,528,000	0	24,528,000	0	0	30,302,897,634	0
	Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	8,130,306,006	0	0	0	0	0	8,130,306,006	0
	Ủy ban nhân dân huyện Tam Bình								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	600,085,524	0	0	0	0	0	600,085,524	0
	Ủy ban nhân dân huyện Trà Ôn								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	10,949,000	10,949,000	0	10,949,000	0	0	0	0
	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Vĩnh Long								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	36,076,180	36,076,180	36,076,180	0	0	0	0	0
	BCKT BCQT ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Trà Vinh; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế, giao thông, thủy lợi giai đoạn 2020-2022 của tỉnh Trà Vinh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	88,515,520	88,515,520	0	8,515,520	80,000,000	0	0	0
	Sở Tài chính Trà Vinh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	88,515,520	88,515,520	0	8,515,520	80,000,000	0	0	0
19	KTNN khu vực X								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	74,587,178,124	51,855,630,016	1,782,134,550	45,154,345,661	4,919,149,805	0	22,731,548,108	0
	Năm kiểm toán 2023								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	74,587,178,124	51,855,630,016	1,782,134,550	45,154,345,661	4,919,149,805	0	22,731,548,108	0
	Kiểm toán chuyên đề Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn-Tiểu dự án Lạng Sơn								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	4,947,000	0	0	0	0	0	4,947,000	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Lạng Sơn								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	4,947,000	0	0	0	0	0	4,947,000	0
	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Lạng Sơn; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Lạng Sơn								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	18,758,877,912	16,005,121,912	1,782,134,550	11,166,000,000	3,056,987,362	0	2,753,756,000	0
	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn								

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	49,932,657	49,932,657	0	0	49,932,657	0	0	0
	Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	6,884,000,000	6,884,000,000	0	6,884,000,000	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Văn Quan								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	6,103,997,325	4,451,447,325	0	4,280,000,000	171,447,325	0	1,652,550,000	0
	Ủy ban nhân dân huyện Đình Lập								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	117,000,000	2,000,000	0	2,000,000	0	0	115,000,000	0
	Ủy ban nhân dân huyện Chi Lăng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	149,741,380	10,224,380	0	0	10,224,380	0	139,517,000	0
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lạng Sơn								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,003,510,000	2,003,510,000	0	0	2,003,510,000	0	0	0
	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lạng Sơn								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	570,000,000	0	0	0	0	0	570,000,000	0
	Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,098,562,000	821,873,000	0	0	821,873,000	0	276,689,000	0
	Sở Y tế Lạng Sơn								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Bắc Sơn								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	682,134,550	682,134,550	682,134,550	0	0	0	0	0
	Cục Thuế Tỉnh Lạng Sơn								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,100,000,000	1,100,000,000	1,100,000,000	0	0	0	0	0
	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Thái Nguyên; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Thái Nguyên; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Thái Nguyên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	47,277,783,333	28,855,769,751	0	28,723,345,661	132,424,090	0	18,422,013,582	0
	Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thái Nguyên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	56,293,000	0	0	0	0	0	56,293,000	0
	Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	79,883,384	79,883,384	0	79,883,384	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân thành phố Phổ Yên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,663,224,691	21,879,163	0	0	21,879,163	0	3,641,345,528	0
	Ủy ban nhân dân thành phố Sông Công								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	5,356,096,820	748,807,766	0	684,860,000	63,947,766	0	4,607,289,054	0
	Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	27,836,369,161	27,836,369,161	0	27,789,772,000	46,597,161	0	0	0
	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thái Nguyên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	10,117,086,000	0	0	0	0	0	10,117,086,000	0
	Sở Y tế Thái Nguyên								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	168,830,277	168,830,277	0	168,830,277	0	0	0	0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Kiểm toán hoạt động xây dựng và việc QLSD vốn đầu tư các dự án đầu tư nhóm B tại tỉnh Hà Giang: Dự án cải tạo nâng cấp đoạn Km13-Km17 và đoạn Km36+183, Km46+00, ĐT.176 (Yên Minh- Mậu Duệ- Mèo Vạc) tỉnh Hà Giang; Dự án cải tạo nâng cấp đường Bắc Quang -Xín Mần (ĐT177), đoạn Km0-Km55, tỉnh Hà Giang (giai đoạn I)								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,685,702,691	1,729,738,353	0	0	1,729,738,353	0	955,964,338	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình Giao thông tỉnh Hà Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,685,702,691	1,729,738,353	0	0	1,729,738,353	0	955,964,338	0
	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Hà Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Hà Giang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Hà Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	4,512,734,000	4,500,000,000	0	4,500,000,000	0	0	12,734,000	0
	Sở Tài chính Hà Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	4,500,000,000	4,500,000,000	0	4,500,000,000	0	0	0	0
	Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Hà Giang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	12,734,000	0	0	0	0	0	12,734,000	0
	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Cao Bằng; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Cao Bằng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	582,133,188	0	0	0	0	0	582,133,188	0
	Sở Tài chính Cao Bằng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Cao Bằng								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	582,133,188	0	0	0	0	0	582,133,188	0
	Kiểm toán báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Tuyên Quang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Tuyên Quang; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Tuyên Quang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	765,000,000	765,000,000	0	765,000,000	0	0	0	0
	Sở Tài chính Tuyên Quang								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	765,000,000	765,000,000	0	765,000,000	0	0	0	0
20	KTNN khu vực XI								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	70,212,887,448	63,731,210,000	0	60,462,848,000	3,268,362,000	0	6,481,677,448	0
	Năm kiểm toán 2023								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	70,212,887,448	63,731,210,000	0	60,462,848,000	3,268,362,000	0	6,481,677,448	0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Thanh Hóa; Kiểm toán Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Thanh Hóa								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	8,835,579,448	2,353,902,000	0	23,000,000	2,330,902,000	0	6,481,677,448	0
	Ủy ban nhân dân huyện Đông Sơn								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	678,171,000	0	0	0	0	0	678,171,000	0
	Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	852,303,000	852,303,000	0	23,000,000	829,303,000	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Thiệu Hóa								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	8,779,000	8,779,000	0	0	8,779,000	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Thọ Xuân								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,135,850,000	996,879,000	0	0	996,879,000	0	138,971,000	0
	Ủy ban nhân dân huyện Mường Lát								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	142,188,000	42,604,000	0	0	42,604,000	0	99,584,000	0
	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Thanh Hóa								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	4,079,616,448	0	0	0	0	0	4,079,616,448	0
	Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,938,672,000	453,337,000	0	0	453,337,000	0	1,485,335,000	0
	Kiểm toán chuyên đề việc điều tiết, quản lý, sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư phát triển kinh tế xã hội năm 2022 theo Nghị quyết HĐND tỉnh Thái Bình								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	937,460,000	937,460,000	0	0	937,460,000	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	73,821,000	73,821,000	0	0	73,821,000	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	863,639,000	863,639,000	0	0	863,639,000	0	0	0
	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Ninh Bình; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Ninh Bình; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Ninh Bình; Kiểm toán chuyên đề việc đầu tư mua sắm, ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin, các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Ninh Bình								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	60,439,848,000	60,439,848,000	0	60,439,848,000	0	0	0	0
	Sở Tài chính Ninh Bình								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	60,439,848,000	60,439,848,000	0	60,439,848,000	0	0	0	0
21	KTNN khu vực XII								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	197,995,000,857	135,051,921,720	49,446,403,000	85,408,353,720	197,165,000	0	62,943,079,137	0
	Năm kiểm toán 2023								

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	197,995,000,857	135,051,921,720	49,446,403,000	85,408,353,720	197,165,000	0	62,943,079,137	0
	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 và Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 của tỉnh Đắk Lắk								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	56,547,927,000	51,638,693,000	49,446,403,000	2,087,036,000	105,254,000	0	4,909,234,000	0
	Công ty Cổ phần cao su Đắk Lắk								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	51,018,766,000	49,446,403,000	49,446,403,000	0	0	0	1,572,363,000	0
	Ủy ban nhân dân huyện Krông Pắc								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	40,789,000	40,789,000	0	8,036,000	32,753,000	0	0	0
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đắk Lắk								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,563,900,000	0	0	0	0	0	2,563,900,000	0
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đắk Lắk								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	772,971,000	0	0	0	0	0	772,971,000	0
	Sở Tài chính Đắk Lắk								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	2,079,000,000	2,079,000,000	0	2,079,000,000	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Krông Bông								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	72,501,000	72,501,000	0	0	72,501,000	0	0	0
	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Gia Lai; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Gia Lai; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Gia Lai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	7,049,710,000	462,511,000	0	370,600,000	91,911,000	0	6,587,199,000	0
	Cục Thuế Tỉnh Gia Lai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân thị xã An Khê								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	33,800,000	33,800,000	0	33,800,000	0	0	0	0
	Sở Khoa học và Công nghệ Gia Lai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	91,911,000	91,911,000	0	0	91,911,000	0	0	0
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Gia Lai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	6,060,609,000	0	0	0	0	0	6,060,609,000	0
	Sở Tài chính Gia Lai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Gia Lai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	120,690,000	0	0	0	0	0	120,690,000	0
	Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	742,700,000	336,800,000	0	336,800,000	0	0	405,900,000	0
	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Đắk Nông; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Đắk Nông; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý và sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Đắk Nông; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Đắk Nông								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	134,397,363,857	82,950,717,720	0	82,950,717,720	0	0	51,446,646,137	0
	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	869,962,000	0	0	0	0	0	869,962,000	0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh Đắk Nông								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sở Tài chính Đắk Nông								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	82,950,717,720	82,950,717,720	0	82,950,717,720	0	0	0	0
	Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Đắk Nông								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	50,576,684,137	0	0	0	0	0	50,576,684,137	0
	Ủy ban nhân dân thành phố Gia Nghĩa								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
22	KTNN khu vực XIII								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	4,516,931,491,609	217,384,582,291	7,064,451,654	207,028,701,668	3,291,428,969	0	4,298,199,700,681	1,347,208,637
	Năm kiểm toán 2023								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	4,516,931,491,609	217,384,582,291	7,064,451,654	207,028,701,668	3,291,428,969	0	4,298,199,700,681	1,347,208,637
	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 của tỉnh Đồng Nai; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Đồng Nai; Chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Đồng Nai; Chuyên đề công tác bảo vệ môi trường về thu gom xử lý rác thải, xử lý tiêu thoát nước thải giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	271,913,280,265	137,253,908,425	5,900,537,508	128,061,941,948	3,291,428,969	0	133,312,163,203	1,347,208,637
	Sở Tài chính Đồng Nai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	121,502,595,948	70,634,595,948	0	70,634,595,948	0	0	50,868,000,000	0
	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đồng Nai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	18,847,315,255	9,998,597,255	0	9,998,597,255	0	0	8,848,718,000	0
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Đồng Nai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	6,211,911,901	2,829,622,000	0	2,829,622,000	0	0	3,382,289,901	0
	Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	33,231,633,290	7,594,825,105	19,290,007	7,575,535,098	0	0	25,636,808,185	0
	Ủy ban nhân dân huyện Định Quán								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Cục Thuế Tỉnh Đồng Nai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	23,917,118	23,917,118	23,917,118	0	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân thành phố Long Khánh								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	14,064,295,060	14,064,295,060	3,703,825,601	10,315,480,707	44,988,752	0	0	0
	Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	40,451,450,087	13,813,594,812	663,598,980	13,149,995,832	0	0	25,290,646,638	1,347,208,637
	Ủy ban nhân dân huyện Thống Nhất								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	4,262,101,797	468,438,586	0	383,674,003	84,764,583	0	3,793,663,211	0
	Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	22,673,622,519	16,264,682,284	0	13,143,329,650	3,121,352,634	0	6,408,940,235	0
	Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	1,049,700,689	1,049,700,689	1,049,700,689	0	0	0	0	0
	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai								

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	40,323,000	40,323,000	0	0	40,323,000	0	0	0
	Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	9,554,413,601	471,316,568	440,205,113	31,111,455	0	0	9,083,097,033	0
	Kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Kiểm toán chuyên đề việc đầu tư mua sắm, ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin, các hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin giai đoạn 2020-2022 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	211,896,536,647	2,055,421,907	1,163,914,146	891,507,761	0	0	209,841,114,740	0
	Ủy ban nhân dân huyện Châu Đức								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	431,060,515	431,060,515	0	431,060,515	0	0	0	0
	Ủy ban nhân dân thành phố Bà Rịa								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	11,638,714,342	717,905,117	485,277,777	232,627,340	0	0	10,920,809,225	0
	Sở Tài chính Bà Rịa - Vũng Tàu								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	193,913,299,200	0	0	0	0	0	193,913,299,200	0
	Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	4,979,575,758	0	0	0	0	0	4,979,575,758	0
	Ban Quản lý dự án chuyên ngành dân dụng và công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	27,430,557	0	0	0	0	0	27,430,557	0
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Bà Rịa - Vũng Tàu								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	111,017,353	111,017,353	39,362,682	71,654,671	0	0	0	0
	Sở Khoa học và Công nghệ Bà Rịa - Vũng Tàu								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	0	0	0	0	0	0	0	0
	Cục Thuế Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	619,084,150	619,084,150	619,084,150	0	0	0	0	0
	Sở Tài nguyên và Môi trường Bà Rịa - Vũng Tàu								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	176,354,772	176,354,772	20,189,537	156,165,235	0	0	0	0
	Kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước năm 2022 của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	880,030,500	0	0	0	0	0	880,030,500	0
	Công ty Cổ phần Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	880,030,500	0	0	0	0	0	880,030,500	0
	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Bình Thuận; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2020-2022 tại tỉnh Bình Thuận; Kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do địa phương quản lý giai đoạn 2021 -2022 tại tỉnh Bình Thuận								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	80,448,558,508	78,075,251,959	0	78,075,251,959	0	0	2,373,306,549	0
	Sở Tài chính Bình Thuận								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	80,448,558,508	78,075,251,959	0	78,075,251,959	0	0	2,373,306,549	0
	Kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2022 tỉnh Đồng Nai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,951,793,085,689	0	0	0	0	0	3,951,793,085,689	0

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Tăng thu, thu hồi, giảm chi NSNN				Thu hồi và giảm chi cho DN	Kiến nghị khác	Giảm lỗ
			Cộng	Tăng thu NSNN	Thu hồi, giảm chi TX NSNN	Thu hồi, giảm chi ĐT NSNN			
	Sở Tài chính Đồng Nai								
	Số chưa thực hiện (7=1-2+3-6)	3,951,793,085,689	0	0	0	0	0	3,951,793,085,689	0